

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-PT
Ngày 16 tháng 4 năm 2021
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Giáp;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Tuấn Anh;
Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Quang Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 3 năm 2021 và ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2021/TLPT-HNGĐ ngày 27/01/2021 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/HNGĐ-ST ngày 16/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 25/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Ngô Xuân A, sinh năm 1970 (có mặt).

HKTT: Thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh;

Chỗ ở hiện nay: C, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn:* Chị Ngô Thị T, sinh năm 1975 (có mặt).

HKTT: Thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh;

Chỗ ở hiện nay: C, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Ngô Thế V, sinh năm 1945 (vắng mặt)).

2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1944 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Ông V, bà C ủy quyền cho anh Ngô Xuân A (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn anh Ngô Xuân A trình bày: Anh kết hôn với chị Ngô Thị T ngày 12/10/1993 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T thường xuyên ghen tuông. Khoảng năm 2018, hai vợ chồng ở riêng và sống ly thân từ đó đến nay. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là cháu Ngô Thị Hồng V, sinh ngày 08/12/1994, cháu Ngô Thị Phương L sinh ngày 28/11/1999 và cháu Ngô Hải Đăng sinh ngày 02/12/2004. Hiện cháu V, cháu L đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn anh đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đăng và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là thửa đất số: 337, tờ bản đồ số 27, diện tích 57,6m² tại C, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Nguồn gốc thửa đất là do vợ chồng mua, đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BN 508524 ngày 28/5/2013 đứng tên chủ sử dụng đất là Ngô Xuân A, Ngô Thị T. Trên đất có ngôi nhà hai tầng một tum. Thửa đất này hiện nay do chị T đang sử dụng.

Thửa đất số 03, tờ bản đồ số 27, diện tích 115m² tại C, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Nguồn gốc thửa đất cũng là do vợ chồng mua và đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BC 681951 ngày 15/12/2010 đứng tên chủ sử dụng đất là Ngô Xuân A, Ngô Thị T. Trên đất có lán lợp tôn, hiện anh đang sử dụng thửa đất này.

Đối với thửa đất trong thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh, diện tích 212m² của bố mẹ anh là ông Ngô Thế V, sinh năm 1945, bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1944 mua của địa phương năm 1991. Thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đây không phải là tài sản chung của vợ chồng, hiện tại bố mẹ anh đang sử dụng thửa đất này. Nguồn gốc thửa đất trước đây là đất vườn trồng cây ăn quả của các cụ nên khi ra ở việc tân tạo là không đáng kể. Chị T cho rằng vợ chồng tân tạo cao 2m anh không nhất trí. Về tài sản trên đất, năm 2010 vợ chồng có xây dựng ngôi nhà 2 tầng (phần thô mới chát ngoài), 01 tum, diện tích 01 tầng khoảng 70m²/sàn xây dựng. Phần xây dựng thô là do vợ chồng anh làm. Ngoài ra, vợ chồng còn xây tường bao, đổ sân bê tông.

Về tài sản chung của vợ chồng, anh đề nghị Tòa án chia theo quy định của pháp luật. Đối với phần tài sản vợ chồng anh làm trên phần đất của ông V, bà C anh không yêu cầu bố mẹ anh phải trích trả cho anh phần tài sản này.

Về công nợ: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Ngô Thị T trình bày: Chị nhất trí với anh A về điều kiện kết hôn. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2010, do vợ chồng hay bất đồng quan điểm, đến năm 2017 hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh A xin ly hôn chị xét thấy

tình cảm vợ chồng không còn, nhưng chị chỉ đồng ý ly hôn khi Tòa án giải quyết phần tài sản chung rõ ràng (BL195, 196).

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là cháu Ngô Thị Hồng V, sinh ngày 08/12/1994; Ngô Thị Phương L sinh ngày 28/11/1999; cháu Ngô Hải Đăng, sinh ngày 02/12/2004. Hiện cháu V đi lấy chồng còn cháu L và cháu Đăng đang ở với chị. Ly hôn chị đồng ý để anh A chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đăng. Đối với cháu L bị bệnh, tuy cháu vẫn nhận thức được nhưng cháu yếu không có khả năng lao động nếu cháu L ở với anh A thì chị sẽ chu cấp cho cháu L 2.200.000đ/tháng, còn cháu ở với chị thì anh A có nghĩa vụ chu cấp cho cháu L 2.200.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là thửa đất số 03, tờ bản đồ số 27, diện tích 115m² tại C, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BC 681951 ngày 15/12/2010 đứng tên chủ sử dụng đất là Ngô Xuân A, Ngô Thị T. Trên đất có lán lợp tôn, anh A đang sử dụng thửa đất này.

Tài sản trên thửa đất trong thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh, diện tích 212m². Chị xác định thửa đất này là của bố mẹ chồng là ông Ngô Thế V; bà Nguyễn Thị C mua của địa phương năm 1991. Năm 1994 vợ chồng chị ra ở trên thửa đất này. Quá trình sử dụng năm 2010 vợ chồng chị có làm ngôi nhà 2 tầng, 01 tum, đã xây dựng xong phần thô (đã trát xong) và xây tường rào xung quanh thửa đất, đổ bê tông sân. Ngoài ra, quá trình sử dụng đất chị phải đổ đất tân tạo thửa đất do trước đây thửa đất là ruộng trũng nên phải tân tạo toàn bộ thửa đất lên 2m.

Ngoài các tài sản trên, vợ chồng không còn tài sản chung nào khác. Nay, chị yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng theo pháp luật.

Đối với thửa đất số: 337, tờ bản đồ số 27, diện tích 57,6m² tại C, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BN 508524 ngày 28/5/2013 đứng tên chủ sử dụng đất là Ngô Xuân A, Ngô Thị T. Trên đất có ngôi nhà hai tầng một tum, chị đang sử dụng thửa đất này. Nguồn gốc nhà đất là do năm 2013 khi hai vợ chồng mâu thuẫn, chị đã vay mượn mua thửa đất này, đến năm 2014 chị vay tiền làm nhà. Toàn bộ tiền mua đất, làm nhà do chị vay mượn và chị đã thanh toán xong. Do đó, đây là tài sản riêng của chị và chị không đồng ý chia.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ngô Thế V, bà Nguyễn Thị C trình bày: Ngày 14/10/1991 vợ chồng ông bà có mua của địa phương thửa đất có diện tích 212m². Thửa đất này trước đây là vườn cây của các cụ, sau khi mua, vợ chồng ông bà có tân đất để trồng mía. Năm 1995 do mâu thuẫn mẹ chồng con dâu nên vợ chồng ông bà cho vợ chồng anh A, chị T ra ở trên thửa đất này. Trước khi

anh A, chị T ra, ông bà có làm một ngôi nhà ba gian trên đất cho vợ chồng anh A ở. Năm 2010 vợ chồng anh A có xây dựng ngôi nhà trần 2 tầng 1 tum mới xây phần thô. Trước khi xây dựng thì vợ chồng anh A chuyển ra thuê nhà ở C để bán hàng còn ông V ở trông nom công trình xây dựng cho vợ chồng anh A. Khi xây dựng xong phần thô thì vợ chồng anh A không về mà ở C chỉ có ông V ở trên thửa đất này được 01 năm thì bà Chuyển ra ở cùng. Năm 2016 - 2017 vợ chồng ông bà mới hoàn thiện ngôi nhà. Hiện nay thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông bà thừa nhận ngôi nhà trần (phần xây dựng thô), tường bao và đổ bê tông nền sân là do vợ chồng anh A làm, ngoài ra không còn có công trình gì khác. Chị T đề nghị chia tài sản, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, ông V, bà C còn trình bày: Ngày 27/5/2010 ông bà cho anh A, chị T vay số tiền 62.000.000đồng. Tuy nhiên, ông V, bà C không yêu cầu anh A, chị T phải trả số tiền này.

Từ những nội dung trên, Tòa án nhân dân huyện T đã căn cứ khoản 1 Điều 28; 48; 158; 166; 198; 203; 204; 220; 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, 34, 51, 53, 56, 59, 71, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về phí, lệ phí, xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Ngô Xuân A được ly hôn với chị Ngô Thị T.

2. Về con chung: Giao cho anh Ngô Xuân A chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngô Hải Đăng sinh ngày 02/12/2004. Chị Ngô Thị T có quyền thăm nom con chung. Việc cấp dưỡng nuôi cháu Đăng không xem xét giải quyết.

Giao cho chị Ngô Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngô Thị Phương L, sinh ngày 28/11/1999 và buộc anh A phải cấp dưỡng cho cháu L số tiền là 1.500.000đồng/tháng kể từ ngày 01/01/2021.

3. Về tài sản chung:

3.1. Giao cho anh Ngô Xuân A được quyền sử dụng, sở hữu những tài sản gồm:

Thửa đất số: 03, tờ bản đồ số 27, diện tích 115m² tại C, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh có tứ cận: Phía Đông giáp đất công; phía Tây giáp đường liên xã, phía Nam giáp đất hộ Mỹ Đậu, phía Bắc giáp hộ Lợi Như theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BC 681951 ngày 15/12/2010 do UBND huyện T cấp đứng tên chủ sử dụng đất là Ngô Xuân A, Ngô Thị T. Trên đất có ngôi nhà cấp 4 lợp tôn có diện tích 85,2m².

Tổng giá trị tài sản giao cho anh A là 3.212.806.700 đồng, anh Ngô Xuân A có trách nhiệm trích trả cho chị Ngô Thị T giá trị chênh lệch tài sản là 702.866.501 đồng.

3.2. Giao cho chị Ngô Thị T được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu những tài sản gồm:

Thửa đất số: 337, tờ bản đồ số 27, diện tích 57,6m² tại C, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh có tứ cận: Phía Bắc giáp đất hộ Tám Lâm, phía Đông giáp thửa đất hộ Thắng Quang, phía Nam giáp đất hộ Hường Khánh, phía Tây giáp đường liên xã, đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BN 508524 ngày 28/5/2013 đứng tên chủ sử dụng đất là Ngô Xuân A, Ngô Thị T. Trên đất có ngôi nhà 02 tầng, 01 tum diện tích 143,1 m².

Tổng giá trị tài sản giao cho chị T là 2.364.838.248 đồng và nhận phần giá trị chênh lệch tài sản do anh A trích trả là 702.866.501 đồng và do ông V, bà C trích trả là 127.997.691 đồng.

3.3. Giao cho ông Ngô Thế V và bà Nguyễn Thị C sở hữu toàn bộ tài sản trên thửa đất có diện tích 212m² tại thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh gồm nhà ở 02 tầng, 01 tum, diện tích 161,47m²; nền đổ bê tông dày 08cm: 83,28m³; tường bao: 48,3m²; Phần tân tạo 30cm: 72,3m³. Tổng giá trị tài sản là: 232.723.000 đồng nhưng có nghĩa vụ trích trả chị Ngô Thị T số tiền 127.997.691 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, bị đơn chị Ngô Thị T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm: Chị xác định thửa đất số: 337, tờ bản đồ số 27, diện tích 57,6m² tại C, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh không phải tài sản chung của vợ chồng và không đồng ý chia. Chị không đồng ý với kết quả định giá thửa đất số 03, tờ bản đồ số 27, diện tích 115m² thấp hơn so với thửa đất số 337, tờ bản đồ số 27, diện tích 57,6m²; không đồng ý với kết quả thẩm định, định giá các tài sản trên thửa đất diện tích 212m² tại thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh, chị cho rằng chị có công sức tân tạo thửa đất lên 2m so với mặt ngõ chứ phải 30 cm như Bản án sơ thẩm xác định.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 22/3/2021, nguyên đơn là anh Ngô Xuân A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn là chị Ngô Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Chị kháng cáo không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm xử cho anh A được ly hôn chị, chị xác định vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng chung sống, nhưng chị chỉ đồng ý ly hôn anh A khi Tòa án đã giải quyết phân chia xong tài sản của vợ chồng; chị không đồng ý với kết quả định giá tài sản và quyết định của Bản án sơ thẩm về phần tài sản, yêu cầu Tòa án

cấp phúc thẩm định giá lại toàn bộ tài sản vợ chồng đang tranh chấp mà cấp sơ thẩm đã định giá; rút yêu cầu kháng cáo về phần con chung, thẩm định đất nền của thửa đất 212m² tại thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Chị T đề nghị Tòa án tiến hành định giá lại toàn bộ tài sản theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành Thông báo cho chị T về nghĩa vụ nộp tạm ứng chi phí định giá lại tài sản. Tuy nhiên, hết thời hạn chị T vẫn không nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản theo quy định.

Tại phiên tòa ngày 16/4/2021, chị Ngô Thị T đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm xử và xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Kháng cáo của chị Ngô Thị T trong thời hạn luật định nên được Tòa án chấp nhận xem xét.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 16/4/2021, chị Ngô Thị T rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Xét thấy việc chị T rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo là tự nguyện, không bị ai ép buộc và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do chị T rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm nên chị T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 5 Điều 308, Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về phí, lệ phí Tòa án, quyết định:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 28/2021/TLPT-HNGĐ ngày 27/01/2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Ngô Xuân A, sinh năm 1970;

HKTT: Thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh;

Chỗ ở hiện nay: C, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn:* Chị Ngô Thị T, sinh năm 1975;

HKTT: Thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh;

Chỗ ở hiện nay: C, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Ngô Thế V, sinh năm 1945;

+ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1944;

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/HNGĐ-ST ngày 16/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh có hiệu lực thi hành.

3. Về án phí phúc thẩm: Chị Ngô Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận chị T đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2018/0000446 ngày 30/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã V, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Giáp